

Phrases for Development and International Relations

Social Sciences · Practice Test · 15 Questions

1. What phrase means 'Offer career advice'?

- A) Tao dieu kien thuan loi cho thuong mai
- B) Dua ra loi khuyen nghe nghiep
- C) Giam ngheo
- D) Cai thien doi song nguoi dan

2. The Vietnamese phrase 'Tao ra nhieu co hoi viec lam hon' translates to:

- A) Improve people's lives
- B) Create more job opportunities
- C) Help someone do something
- D) Facilitate trade

3. Which phrase means 'Improve people's lives'?

- A) Reduce poverty
- B) Cai thien doi song nguoi dan
- C) Offer career advice
- D) Create more job opportunities

4. What is the English translation of 'Giúp ai đó làm việc gì'?

- A) Facilitate trade
- B) Help someone (to) do something
- C) Reduce poverty
- D) Improve people's lives

5. The phrase 'Facilitate trade' means:

- A) Giam ngheo
- B) Tao dieu kien thuan loi cho thuong mai
- C) Cai thien doi song nguoi dan
- D) Dua ra loi khuyen nghe nghiep

6. What does 'Giam ngheo' mean in English?

- A) Reduce poverty
- B) Improve people's lives
- C) Create more job opportunities
- D) Facilitate trade

7. The Vietnamese phrase 'Cung cap giáo duc cho moi nguoi' translates to:

- A) Vaccinate children
- B) Support underprivileged children
- C) Provide education for everyone
- D) Help someone do something

8. Which phrase means 'Vaccinate children'?

- A) Cung cap giáo duc cho moi nguoi
- B) Tiêm chủng cho trẻ em
- C) Hỗ trợ trẻ em có hoàn cảnh khó
- D) Giảm nghèo

9. What is the English translation of 'Hỗ trợ trẻ em có hoàn cảnh khó'?

- A) Provide education for everyone
- B) Vaccinate children
- C) Support underprivileged children
- D) Help someone do something

10. The phrase 'Enter into/ Join an organisation' means:

- A) Gia nhập một tổ chức
- B) Quan hệ quốc tế
- C) Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế
- D) Thiết lập quan hệ ngoại giao

11. What does 'Quan hệ quốc tế' mean in English?

- A) International relations
- B) Promote economic growth
- C) Establish diplomatic relations
- D) Gain regional/international support

12. Which phrase means 'Promote economic growth'?

- A) International relations
- B) Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế
- C) Establish diplomatic relations
- D) Gain regional/international support

13. What is the English translation of 'Thiết lập quan hệ ngoại giao'?

- A) Establish diplomatic relations
- B) Promote economic growth
- C) International relations
- D) Gain regional/international support

14. The phrase 'Gain regional/international support' means:

- A) Nhận được sự ủng hộ khu vực/quốc tế
- B) Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế
- C) Thiết lập quan hệ ngoại giao
- D) Quan hệ quốc tế

15. What does 'Cung cấp tư vấn kỹ thuật' mean in English?

- A) Provide technical advice
- B) Gain regional/international support
- C) Promote economic growth
- D) Establish diplomatic relations